

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17-9-2024.

V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lý Thị Dung.
- Ông Đinh Công Ó.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2024//TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mùi Thị B, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Bản NX, xã MC, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1983.
Địa chỉ: Bản NX, xã MC, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 05/7/2024 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mùi Thị B trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mùi Thị B và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau ngày 23 tháng 5 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã MC, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 5 năm 2015 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu, không tu trí làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng thường xuyên xô sát. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên, chính quyền địa phương hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Hai anh, chị đã sống ly thân từ một thời gian dài rồi vợ chồng lại về sống với nhau nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra thường xuyên, đỉnh điểm đến tháng 5/2024 anh chị đã sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị Mùi Thị B làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Hai anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh Thư, sinh ngày 23/10/2014, hiện nay cháu Nguyễn Thị Minh Thư đang sống cùng với chị tại bản Nà Xe, xã MC, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Minh Thư đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động. Về cấp dưỡng, chị Mùi Thị B không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Chị và anh tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Mùi Thị B xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại bản tự khai đề ngày 17/7/2024 và ngày 02/8/2024 anh Nguyễn Văn T trình bày như sau:

Về quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh hoàn toàn nhất trí như ý kiến của chị Mùi Thị B trình bày. Vợ chồng anh chị kết hôn với nhau ngày 23/5/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MC, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì vợ chồng anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh Nguyễn Văn T nghi ngờ chị Mùi Thị B có quan hệ với người khác, từ đó anh sinh ra chán nản, rượu chè nhiều, hiện nay không tìm được tiếng nói chung, tình cảm không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên, chính quyền địa phương hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Chị Mùi Thị B có đơn đề nghị xin ly hôn với anh, ý kiến của anh Nguyễn Văn T là không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh Nguyễn Văn T xác định có 01 con chung như chị Mùi Thị B trình bày. Ly hôn, anh nhất trí cháu Nguyễn Thị Minh Thư do chị Mùi Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi (có khả năng lao động). Về cấp dưỡng anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản công khai chứng cứ và hoà giải ngày 02/8/2024:

Nội dung anh chị chưa thống nhất: Về quan hệ hôn nhân chị Mùi Thị B yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T xin được đoàn tụ.

Nội dung đã thống nhất được:

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Minh Thư, sinh ngày 23/10/2014 cho chị Mùi Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng đối với anh Nguyễn Văn T do chị Mùi Thị B chưa có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản riêng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, nghị án Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Đối với bị đơn, sau khi thụ lý vụ án bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn biết về việc khởi kiện của nguyên đơn, đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho Chị Mùi Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Công nhận sự thoả thuận của chị Mùi Thị B và anh Nguyễn Văn T:

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Minh Thư, sinh ngày 23/10/2014 cho chị Mùi Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn T do chị Mùi Thị B Nguyễn Văn T. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Mùi Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024 anh Nguyễn Văn T có mặt để tiến hành việc công khai chứng cứ và hoà giải. Đến khi Toà án có quyết định đưa vụ án ra xét xử Toà án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng anh Nguyễn Văn T cố tình trốn tránh, không chấp hành theo giấy triệu tập của Toà án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mùi Thị B và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau ngày 23/5/2014. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MC, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Do đó quan hệ hôn nhân của chị Mùi Thị B và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 5 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu, không tu trí làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng thường xuyên xô sát. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên, chính quyền địa phương hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Hai anh, chị đã sống ly thân từ một thời gian dài rồi vợ chồng lại về sống với nhau nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra thường xuyên, đỉnh điểm đến tháng 5/2024 anh chị đã sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Xét

thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Mùi Thị B và anh Nguyễn Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho Chị Mùi Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Tại buổi hòa giải chị Mùi Thị B và anh Nguyễn Văn T tự thỏa thuận thống nhất:

Giao cháu Nguyễn Thị Minh Thư, sinh ngày 23/10/2014 cho chị Mùi Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Mùi Thị B chưa có yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Mùi Thị B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Mùi Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Minh Thư, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2014 cho chị Mùi Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Thị Minh Thư thành niên, (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn T do chị Mùi Thị B Nguyễn Văn T.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Anh, chị tự thỏa thuận phân chia, thanh toán không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mùi Thị B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo biên lai thu tiền số: BLTU/0000544 ngày 24 tháng 7 năm 2024.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 17/9/2024).

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- UBND xã MC, huyện Phù Yên (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Đức